

Bản án số: **08/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 29/01/2024.

V/v tranh chấp: ***Xin ly hôn***

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CÁI RĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Thái Mỹ Nhung**

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Lê Văn Thành**.

2/ Ông **Phạm Văn Vĩ**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Bích Trương**, Thư ký Tòa án nhân dân quận Cái Răng.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cái Răng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 302/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2023 về việc "***Xin ly hôn***" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXX-ST ngày 11 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn D**; Sinh năm: 1978; Trú tại: 22B/5, khu vực 6, phường H T, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

- Bị đơn: Bà **Hồ Ngọc B**; Sinh năm: 1983; Trú tại: 22B/5, khu vực 6, phường H T, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

NHẬN THẤY

Trong đơn khởi kiện ngày 26/7/2023, biên bản hòa giải ngày 19/12/2023 và ngày 11/01/2024 nguyên đơn là ông Nguyễn Văn D trình bày:

1/ Về hôn nhân: ông và bà Hồ Ngọc B kết hôn vào năm 2003 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 10/11/2003 tại Ủy ban nhân phường Hưng Thạnh. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, chung sống không hạnh phúc. Nhận thấy không còn tình cảm với bà B, không thể hàn gắn được nên ông D xin ly hôn để không còn ràng buộc với nhau.

Bà Hồ Ngọc B thừa nhận vợ chồng có kết hôn thời gian năm 2003, thừa nhận giữa vợ chồng có bất đồng như ông D nêu, nguyên nhân chủ yếu là do tính

cách không phù hợp không thể hàn gắn, nhưng bà còn tình cảm với chồng nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông D.

2/ Về con chung: Ông D khai vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Hồ S (nam) sinh ngày 16/01/2005 và Nguyễn Bích N (nữ) sinh ngày 20/9/2006. Ông D tự nguyện giao cháu Nguyễn Bích N cho bà B trực tiếp nuôi và ông không cấp dưỡng để nuôi con. Riêng Nguyễn Hồ S đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà B công nhận vợ chồng có 02 con chung như ông D khai. Bà yêu cầu trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Bích N và không yêu cầu ông D phải cấp dưỡng để nuôi con.

3/ Về tài sản chung: nguyên đơn xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà B cũng xác định lời khai của ông D về tài sản và nợ chung là đúng và thống nhất.

Trước phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu xin được ly hôn với bà Hồ Ngọc B. Về con chung: nguyên đơn tự nguyện giao cháu Nguyễn Bích N cho bà B trực tiếp nuôi và ông tự nguyện cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng để nuôi cháu Ngọc. Riêng Nguyễn Hồ S đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án điều chỉnh.

Bị đơn không đồng ý ly hôn. Về con chung, tài sản và nợ chung: thống nhất theo yêu cầu nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Ông Nguyễn Văn D và bà Hồ Ngọc B xây dựng quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo qui định của pháp luật. Nên được xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, thuộc phạm vi điều chỉnh của luật hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Nhận thấy cuộc sống chung của hai vợ chồng đã có thời gian hạnh phúc, đã có 02 con chung với nhau. Lẽ ra cả hai phải càng hiểu và quan tâm đến nhau nhiều hơn. Nhưng cả hai lại không dung hòa được mối quan hệ giữa vợ và chồng, không thiện chí hàn gắn khi có rạn nứt trong quan hệ vợ chồng. Theo nguyên đơn ông đã nhiều lần trả nợ thay cho bà B, ông đã khuyên can bà không cờ bạc nhưng vẫn không sửa đổi. Còn bà B thì lại cho rằng vay nợ là để chi tiêu sinh hoạt cho gia đình và giúp đỡ cha mẹ ruột nhưng không có trao đổi ý kiến với ông D.

[3] Mặc dù bà B có nguyện vọng được hàn gắn nhưng ông D không đồng ý, chứng tỏ ông không còn tha thiết và không muốn duy trì cuộc hôn nhân này nữa. Quá trình giải quyết Tòa án cũng đã hòa giải động viên hàn gắn, nhưng hai vợ chồng D - B cũng không hàn gắn đoàn tụ được. Điều này cũng chứng minh đời sống chung thực tế của hai vợ chồng ông D và bà B đã không còn tồn tại,

mục đích hôn nhân của hai người không đạt được. Và hôn nhân phải xuất phát từ sự tự nguyện của cả hai vợ chồng. Nên việc ông Nguyễn Văn D xin được ly hôn cũng hoàn toàn phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn xác định vợ chồng có 02 con chung, Nguyễn Hồ S (nam) sinh ngày 16/01/2005 và Nguyễn Bích N (nữ) sinh ngày 20/9/2006. Nguyễn Hồ S đã thành niên nên Tòa án không giải quyết. Riêng cháu Nguyễn Bích N đã hơn 17 tuổi 4 tháng, mặc dù bản thân cháu Ngọc có nguyện vọng được sống với cha nhưng cả hai bên nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất giao con cho bà Hồ Ngọc B trực tiếp nuôi. Xét thời gian cháu Ngọc tròn 18 tuổi chỉ còn vài tháng nên việc xem xét nguyện vọng của cháu vẫn phải phù hợp với thỏa thuận của cha mẹ. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chung và phù hợp với nguyện vọng cả hai bên, theo Điều 58 và 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014, có căn cứ để chấp nhận nguyện vọng của ông D là giao con cho bà B tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bích N.

Tuy nhiên ông Nguyễn Văn D vẫn được quyền tới lui thăm con theo qui định của pháp luật.

[5] Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: tại phiên tòa ông Nguyễn Văn D tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Bích N 1.000.000 đồng/tháng. Xét đây là tự nguyện thỏa thuận của đương sự, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên HĐXX chấp nhận.

[6] Về tài sản chung: cả hai xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết. Vì vậy Tòa án không điều chỉnh phần này.

[7] Nợ chung: cả hai xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Vì vậy Tòa án không điều chỉnh phần này.

[8] Về án phí: nguyên đơn Nguyễn Văn D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) và án phí cấp dưỡng 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo qui định.

Vì các lẽ trên.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CÁI RĂNG

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Căn cứ Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82 107, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

- Căn cứ Điều 28, 35, 147, 235, 264, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ Căn cứ Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/- Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Cho ông **Nguyễn Văn D** được ly hôn với bà **Hồ Ngọc B.**

2/- Về con chung:

- Giao cháu **Nguyễn Bích N** (nữ) sinh ngày 20/9/2006 cho bà Hồ Ngọc B tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận việc ông Nguyễn Văn D tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Bích N 1.000.000 đồng/tháng (Một triệu đồng mỗi tháng) cho đến khi cháu Ngọc tròn 18 tuổi.

Dành quyền thăm nom con chung cho ông Nguyễn Văn D theo qui định của pháp luật.

- Cháu Nguyễn Hồ S (nam) sinh ngày 16/01/2005 đã thành niên nên Tòa án không điều chỉnh.

3/- Về tài sản chung: không có và không yêu cầu nên Tòa án không điều chỉnh. Nếu sau này các bên có yêu cầu thì sẽ được tách ra thành vụ kiện khác để giải quyết theo qui định của pháp luật.

4/- Nợ chung: không có và không yêu cầu nên không điều chỉnh. Nếu sau này các bên có yêu cầu thì sẽ được tách ra thành vụ kiện khác để giải quyết theo qui định của pháp luật.

4/- Về án phí hôn nhân: ông Nguyễn Văn D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003101 ngày 29/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự Q. Cái Răng. Ông D đã nộp xong án phí hôn nhân sơ thẩm.

Án phí về cấp dưỡng: ông Nguyễn Văn D phải chịu án phí dân sự không giá ngạch 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo để xin Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa.

Nơi nhận

- TAND. TP/ Cần Thơ.
- VKSND.Q.Cái Răng.
- Cơ quan Thi hành án.
- Người TGTT.
- Lưu HS – BA

Thái Mỹ Nhung

